

Bản án số: 71/2021/HS-PT
Ngày: 12-7-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2021/HSPT ngày 17 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Trần Anh S do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2021/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

- Bị cáo có kháng cáo: TRẦN ANH S (S, Bé Sáu)

Sinh năm 1963 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp L, xã L P, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Trần Văn B và bà Nguyễn Huỳnh H; vợ: Lê Thị Lệ D; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/8/1993 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về “Tội đánh bạc”, tại Bản án số 38, đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/12/1993; Ngày 08/12/2020 bị Công an huyện Giồng Trôm xử phạt vi phạm hành chính 500.000 đồng về hành vi bán số đề, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 198/QĐXPHC ngày 08/12/2020 (đã nộp phạt ngày 08/12/2020); bị cáo tại ngoại, có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Võ Thành Đ – Luật sư, Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 40 phút ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại nhà của Trần Anh S

thuộc ấp L, xã L P, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, cơ quan chức năng phát hiện S đang thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức bán lô số đề thắng thua bằng tiền cho Nguyễn Thanh S nên tiến hành lập biên bản. Qua xác minh xác định trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, S đã bán số đề như sau:

1. Bán cho Dương Văn V qua điện thoại di động: bao lô 70.000 đồng số 65 của đài Tây Ninh, thành tiền 70.000 đồng x 01 (số đề 65) x 18 lô/đài = 1.260.000 đồng. Kết quả xổ số, V trúng thưởng số 65 trong một lô của đài Tây Ninh, thành tiền 70.000 đồng x 70 lần = 4.900.000 đồng. Tổng số tiền V dùng vào việc đánh bạc với S là 6.160.000 đồng. S và V chưa chung chi tiền mua bán số đề là 1.260.000 đồng và tiền V trúng thưởng số đề là 4.900.000 đồng.

2. Bán cho Nguyễn Văn H qua điện thoại di động: bao lô 10.000 đồng số 72 của 02 đài An Giang, Tây Ninh, thành tiền 10.000 đồng x 01 (số đề 72) x 02 (đài) 18 lô/đài = 360.000 đồng. Kết quả xổ số H trúng thưởng số 72 trong 01 lô của đài An Giang, thành tiền 10.000 đồng x 70 lần = 700.000 đồng. Tổng số tiền H dùng vào việc đánh bạc với S là 1.060.000 đồng. S và H chưa chung chi tiền mua bán số đề là 360.000 đồng và tiền H trúng thưởng số đề là 700.000 đồng.

3. Bán cho Phạm Thị Mỹ H 2 qua điện thoại di động: bao lô 5.000 đồng số 51 của ba đài An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận, thành tiền 5.000 đồng x 01 (số đề 51) x 3 đài x 18 lô/đài = 270.000 đồng; số đầu 10.000 đồng, số đuôi 10.000 đồng số 51 của ba đài An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận, thành tiền là 60.000 đồng. Kết quả xổ số H 2 không trúng thưởng. Tổng số tiền H 2 dùng vào việc đánh bạc với S là 330.000 đồng. S và H 2 chưa chung chi tiền mua bán số đề là 330.000 đồng.

4. Bán cho Nguyễn Hữu T qua điện thoại di động: bao lô 10.000 đồng số 63 của đài Tây Ninh, thành tiền 10.000 đồng x 01 (số đề 63) x 18 lô = 180.000 đồng. Kết quả xổ số T không trúng thưởng. Tổng số tiền T dùng vào việc đánh bạc với S là 180.000 đồng. S và T chưa chung chi tiền mua bán số đề là 180.000 đồng.

5. Bán cho Đặng Thị A qua điện thoại di động: số đầu 20.000 đồng, số đuôi 10.000 đồng, số 46 của hai đài Tây Ninh, An Giang, thành tiền là 60.000 đồng. Kết quả xổ số Đặng Thị A không trúng thưởng. Tổng số tiền Đặng Thị A dùng vào việc đánh bạc với S là 60.000 đồng. S và bà A chưa chung chi tiền mua bán số đề là 60.000 đồng.

6. Bán cho Nguyễn Thanh S trực tiếp tại nhà của S : bao lô 13.000 đồng số 28 của đài Hà Nội, thành tiền 13.000 đồng x 01 (số đề 28) x 27 lô = 351.000 đồng. Sang lấy 351.000 đồng đặt lên bàn để giao tiền cho S thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Thời điểm phát hiện Sang mua số đề của S vào lúc 17 giờ 20 phút ngày 03 tháng 9 năm 2020, chưa có kết quả mở thưởng của đài xổ số Hà Nội nên tổng số tiền Sang dùng vào việc đánh bạc với S là 351.000 đồng.

Tổng số tiền S bán số đề ăn thua bằng tiền vào ngày 03 tháng 9 năm 2020 là 2.541.000 đồng; tổng số tiền người mua số đề trúng thưởng là 5.600.000 đồng. Do vậy, tổng số tiền S dùng vào việc đánh bạc ăn thua bằng tiền là 8.141.000 đồng.

Ngoài ra, Trần Anh S còn thực hiện hành vi bán số đề như sau:

Ngày 01 tháng 9 năm 2020 bán cho Nguyễn Văn H qua điện thoại di động với tổng số tiền là 180.000 đồng. Kết quả H không trúng thưởng, H đã giao tiền mua số đề cho S là 130.000 đồng.

Ngày 02 tháng 9 năm 2020, bán cho Nguyễn Hữu T qua điện thoại di động với tổng số tiền là 90.000 đồng, kết quả T không trúng thưởng, T đã giao số tiền mua số đề cho S là 65.000 đồng.

Trần Anh S khai: Tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2020 thì S đã bán số đề được khoảng 03 tháng. Hàng ngày, sau khi bán số đề S đến khu vực cầu Mỹ Thạnh thuộc ấp B, xã M, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giao lại phôi đề đã bán được trong ngày cho một người tên T (chưa rõ họ tên, địa chỉ) để hưởng huê hồng. Sau khi tính tiền thắng thua S đã xóa toàn bộ dữ liệu liên quan đến việc mua bán số đề trong điện thoại di động của S và đốt bỏ các phôi đề do S ghi của những ngày trước đó, nên S không nhớ đã bán cho những ai với số tiền là bao nhiêu.

Vào ngày 03 tháng 9 năm 2020, S đã giao phôi đề bán được của các đài xổ số Miền Nam cho T, đối với đài xổ số Miền Bắc khi đang bán cho S thì bị bắt quả tang nên chưa giao cho T. Trong thời gian 03 tháng S bán lô số rồi giao lại cho T, S đã thu lợi khoảng 6.300.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh người tên T ở khu vực cầu M, thuộc ấp B, xã M, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nhưng chính quyền địa phương xác nhận ở đây không có người tên T.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Anh S phạm “Tội đánh bạc”; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Anh S 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo khác, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13-4-2021, bị cáo Trần Anh S kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo ban đầu. Bị cáo khai nhận hành vi phù hợp nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Hành vi bán số đề vào ngày 03/9/2020 của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Anh S phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và xử phạt bị cáo 09 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp xác nhận có đóng góp tiền để xây dựng địa phương, tuy nhiên về

nhân thân của bị cáo, vào ngày 25/8/1993 bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Tre (nay là thành phố Bến Tre), tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về “Tội đánh bạc” nên không đủ điều kiện được hưởng án treo, mức hình phạt 09 tháng tù là tương xứng nên được giữ nguyên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Anh S 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng về tội danh là có căn cứ. Kiểm sát viên cho rằng bị cáo đã có bị kết án nhưng đã lâu (1993). Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo có đóng góp tiền xây dựng địa phương, bị cáo có đi bộ đội nhưng giấy tờ bị thất lạc. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 02/2018, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo xử phạt bị cáo 06 tháng tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng, bị cáo yêu cầu được hưởng án treo để về sum họp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, S đã bán số đề cho người mua qua điện thoại di động và trực tiếp gặp S để mua như sau:

Bán cho Dương Văn V bao lô 70.000 đồng số 65 của đài Tây Ninh, thành tiền 1.260.000 đồng. Kết quả xổ số, V trúng thưởng số 65 trong một lô của đài Tây Ninh, thành tiền 70.000 đồng x 70 lần = 4.900.000 đồng.

Bán cho Nguyễn Văn H bao lô 10.000 đồng số 72 của 02 đài An Giang, Tây Ninh, thành tiền 360.000 đồng. Kết quả xổ số H trúng thưởng số 72 trong 01 lô của đài An Giang, thành tiền 10.000 đồng x 70 lần = 700.000 đồng.

Bán cho Phạm Thị Mỹ H 2 bao lô 5.000 đồng số 51 của ba đài An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận, thành tiền 270.000 đồng; đầu 10.000 đồng, đuôi 10.000 đồng số 51 của ba đài An Giang, Tây Ninh, Bình Thuận, thành tiền là 60.000 đồng. Kết quả xổ số H 2 không trúng thưởng. Số tiền H 2 dùng vào việc đánh bạc với S là 330.000 đồng.

Bán cho Nguyễn Hữu T bao lô 10.000 đồng số 63 của đài Tây Ninh, thành tiền

180.000 đồng. Kết quả xổ số T không trúng thưởng. Số tiền T dùng vào việc đánh bạc với S là 180.000 đồng.

Bán cho Đặng Thị A số đầu 20.000 đồng, số đuôi 10.000 đồng số 46 của hai đài Tây Ninh, An Giang, thành tiền là 60.000 đồng. Kết quả xổ số Đặng Thị A không trúng thưởng. Số tiền Đặng Thị A dùng vào việc đánh bạc với S là 60.000 đồng.

Bán cho Nguyễn Thanh S (trực tiếp tại nhà của S mua): bao lô 13.000 đồng số 28 của đài Hà Nội, thành tiền 351.000 đồng. Sang lấy 351.000 đồng đặt lên bàn để giao tiền cho S thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Thời điểm phát hiện S mua số đề của S vào lúc 17 giờ 20 phút ngày 03 tháng 9 năm 2020, chưa có kết quả mở thưởng của đài xổ số Hà Nội.

Như vậy, tổng số tiền S dùng vào việc đánh bạc ăn thua bằng tiền là 8.141.000 đồng.

Với ý thức, hành vi và số tiền mà Trần Anh S đã tham gia đánh bạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trần Anh S phạm “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng không nhớ trước đây bị cáo có bị kết án hay không, tuy nhiên cơ quan tiến hành tố tụng đã trưng cầu giám định về dấu vân tay của Trần Anh S thể hiện trên danh chỉ bản vào năm 1993 (trong vụ án đánh bạc) so với dấu vân tay trong vụ án này. Thể hiện tại Kết luận giám định số 39/2020/GĐĐV ngày 04/01/2021: Vân tay trên Danh bản, Chỉ bản số 1098TX lập ngày 20/4/93 mang tên Trần Anh S, sinh năm 1963, nơi ĐKTT: ấp 2, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (ký hiệu A) so với vân tay trên Chỉ bản lập ngày 23/12/2020 mang tên Trần Anh S, sinh năm 1963, nơi cư trú: ấp L, xã L P, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (ký hiệu M) là vân tay của cùng một người. Như vậy, Trần Anh S (tại bản án trước) và Trần Anh S trong vụ án này là một người là có căn cứ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Tuy nhiên Bản án số 38 ngày 25/8/1993 đã xử phạt Trần Anh S 06 (sáu) tháng tù thuộc trường hợp đương nhiên được xóa án tích.

Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng, khi áp dụng hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính và tiền người trúng số đề mà bị cáo chưa giao; bà ngoại của bị cáo là Bà mẹ Việt Nam anh hùng (theo điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi vợ con, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Xét các tình tiết bị cáo đưa ra trong đó có các tình tiết đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo; tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng không phù hợp để áp dụng cho bị cáo; các

tình tiết còn lại thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét mức hình phạt 09 tháng tù và không cho bị cáo hưởng án treo mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; quan điểm của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí, bị cáo phải chịu án hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Anh S phạm “Tội đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Anh S** (Sĩ, Bé Sáu) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH 2 vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Anh S phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày H thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân huyện Giồng Trôm (3b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Công an huyện Giồng Trôm (1b);
- Bị cáo (1b);
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm (1b);
- UBND xã L P, h. Giồng Trôm (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh